

Tổ Chức Quân Đội Thời Trần

Việc nhà Trần thay thế nhà Lý đã nhanh chóng ổn định được trật tự xã hội, sắp xếp chính quyền, đồng thời tăng cường lực lượng quân sự đưa đất nước vượt qua các trở ngại, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Quân đội thời Trần được phát triển và hoàn thiện theo mấy hướng sau:

a, Về tổ chức phiên chế:

Quân chủ lực gồm cấm quân và quân ở các lộ. Quân các lộ ở đồng bằng gọi là chính binh, ở miền núi gọi là phiên binh.

Năm 1239, vua Trần Thái Tông hạ chiếu tuyển trai tráng làm binh lính, chia làm ba bậc thượng, trung, hạ. Thời Trần đặc biệt chú ý tới cấm quân (còn gọi là quân túc vệ). Năm 1246, đây là thời điểm quan trọng đánh dấu một bước tiến lớn trong công cuộc xây dựng quân đội, đặc biệt là cấm quân.

Năm 1267, vua Trần Thánh Tông (1258 - 1278) lập thêm Toàn Kim Cương đô, Chân Thượng đô, Cẩm Vệ Thủy dạ xoa đô, Châu Kim đô.

Sang thế kỷ XIV, cấm quân được tăng cường và phiên chế chặt chẽ:

- Năm 1311, vua Trần Anh Tông (1293 - 1314) lập thêm quân Vũ Tiệp, quân Thiết Ngạch.
- Vua Trần Duệ Tông (1372 - 1377) lập thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Tiệp, Long Dục, Tả Ban, Hữu Ban.

Năm 1378, vua Trần Phế Đế (1377 - 1388) lập thêm quân Thần Dục, Thiên Uy, Hoa Ngạch, Thị Vệ, Thân Vũ, Thiết Chương, Thiết Giáp, Thiết Liêm, Thiết Hồ, Ô Đồ.

Như vậy bộ phận cấm quân của thời Trần ngày càng được tăng cường thêm, phiên chế càng chặt chẽ hơn. Cấm quân đóng ở Thăng Long, Tức Mặc và một số địa phương quan trọng. Cấm quân ở kinh thành Thăng Long có thêu chữ "thiên tử quân" vào trán và do tôn thất hoặc là người được đặc biệt tin tưởng chỉ huy (chẳng hạn như Phạm Ngũ Lão), và gọi là Điện Tiền Chỉ Huy Sứ (gọi tắt là Điện Sứ). Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông thì toàn quân đặt dưới quyền chỉ huy của Quốc Công Tiết Chế Trần Quốc Tuấn, trong đó cấm quân là nòng cốt.

ở phủ, lộ có lộ quân. Giữa thế kỷ XIV, vua Trần Duệ Tông (1341 - 1369) đặt thêm binh hải quân ở Hải Đông (tỉnh Quảng Ninh ngày nay). Sang đời vua Trần Duệ Tông (1372 - 1377) lại tăng thêm số quân ở các lộ Thiên Trường, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An, Lâm Bích, Thuận Hoá.

b, Lực lượng vũ trang của quý tộc:

Cấm quân là đội quân chủ lực bảo vệ kinh thành Thăng Long và hương Tức Mặc, đồng thời là đội quân nòng cốt trong chiến tranh chống ngoại xâm. Cấm quân có thể được điều động đi các địa phương hoặc phối hợp với các lộ quân tổ chức tác chiến. Lộ quân có nhiệm vụ phòng giữ địa phương trong lộ.

Ngoài cấm quân và lộ quân là bộ phận do nhà nước tổ chức và chỉ huy, các vương hầu cũng có quyền chiêu mộ lập quân riêng. Trong cuộc chiến tranh chống quân xâm lược Nguyên - Mông lần thứ hai (1285), Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản tuy mới 15 tuổi nhưng đã tổ chức được một đội quân đông hàng ngàn người. Lực lượng vũ trang của các quý tộc này thường được gọi là "vương hầu gia đồng", chủ yếu là

gia nhân, gia nô. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông, quân vương hầu gia đồng cũng là lực lượng đáng kể. Cuộc hội quân lớn năm 1284 ở Vạn Kiếp có đến hơn 20 vạn người, trong đó có quân của nhiều vương hầu như Hưng Vũ Vương Trần Quốc Nghiễn, Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, Hưng Trí Vương Trần Quốc Hiện. Trong chiến tranh, nhà Trần đã tập hợp được lực lượng quân đội lớn mạnh, đông đảo. Điều đó chủ yếu là do thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự theo chính sách "ngụ binh ý nông" (dân binh).

c, Tổ chức huấn luyện quân đội:

Thời Trần rất coi trọng binh pháp và kỹ thuật quân sự. Thực hiện nâng cao chất lượng binh lính bằng các biện pháp tuyển quân, tuyển tướng, huấn luyện binh pháp, rèn luyện tư tưởng. Năm 1253, vua Trần Thái Tông lập Giảng Võ đường để cho các quan tập trung học hỏi binh pháp, rèn luyện võ nghệ, đây là trường cao cấp quân sự đào tạo võ quan.

Thời Trần đã có những công trình tổng kết chiến tranh do vị danh tướng thiên tài Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn biên soạn. Trần Quốc Tuấn là con An Sinh Vương Trần Liễu (Trần Liễu là anh của Trần Cảnh - tức vua Trần Thái Tông), tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ nhất (1258), là tỷ lệnh tối cao trong hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1288), đýợc nhân dân ta đời đời tôn sùng, biết ơn. Ông để lại hai bộ *Vạn kiếp tông bí truyền thư* và *Binh thư diệu lý yếu lược* (Binh thư yếu lược). Ngoài ra Trần Quốc Tuấn còn đào tạo nhiều danh tướng văn võ toàn tài, có tên tuổi trong lịch sử, như Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Yết Kiêu, Dã Tượng. Các võ quan thời Trần đều được tập quân sự. Giảng Võ đường giúp cho các tướng thường xuyên học hỏi binh pháp và rèn luyện võ nghệ. Phương thức đào tạo này đã sản sinh nhiều tướng tài giỏi, thấu hiểu binh thư, vững vàng võ thuật. Nhà Trần còn tổ chức những cuộc duyệt binh ở các địa bàn phức tạp khác nhau như Bình Than, Bạch Hạc để chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của quân Nguyên - Mông.

ở thời Trần, sự phân chia quân thủy và quân bộ đã có xu hướng rõ rệt, mặc dù chưa được hoàn chỉnh. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, lực lượng quân thủy đã đảm nhiệm nhiều trận đánh ở ven biển, ven sông lớn. Các trận tiêu biểu là Vân Đồn, Bạch Đằng (1288). Tướng thủy quân danh tiếng bấy giờ là Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư.

Thực tiễn cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông đã thể hiện tổ chức quân đội và chính sách xây dựng lực lượng vũ trang của thời Trần trong thế kỷ XIII là tiên bộ, sáng tạo. Đó là quân đội có số lượng đông khi cần thiết, có chất lượng tinh vào loại mạnh trên thế giới đương thời. Hàng loạt các chiến thắng Đông Bộ Đầu (1258), Hàm Tử, Tây Kết (1285) và đặc biệt là Bạch Đằng (1288) là hình ảnh tiêu biểu của quân đội Đại Việt thời Trần.